

Số: 211 /BC-UBND

Bình Định, ngày 26 tháng 11 năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình, kết quả thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính trong tháng 11 năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bình Định

Kính gửi: Văn phòng Chính phủ

Thực hiện Công điện số 644/CD-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh, tăng cường trách nhiệm và nâng cao hiệu quả công tác cải cách thủ tục hành chính, kịp thời tháo gỡ vướng mắc, khó khăn cho người dân, doanh nghiệp; Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định đã ban hành Công văn số 5319/UBND-KSTT ngày 31 tháng 7 năm 2023 về việc rà soát, triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính, cải cách thủ tục hành chính theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Nội vụ.

Căn cứ Đề cương báo cáo hàng tháng về kết quả thực hiện các nội dung theo Công điện số 644/CD-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ (gửi kèm theo Công văn số 5633/VPCP-KSTT ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ); Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định báo cáo tình hình, kết quả thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính từ ngày 23 tháng 10 năm 2023 đến ngày 22 tháng 11 năm 2023 trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Về cải cách việc quy định thủ tục hành chính (TTHC)

1.1. Kết quả đánh giá tác động và thẩm định TTHC trong dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định thủ tục hành chính

- Đã đánh giá tác động đối với TTHC quy định tại dự thảo văn bản quy phạm pháp luật: **0**

- Đã thẩm định đối với TTHC quy định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. Trong đó:

+ Cơ quan thẩm định đã kiến nghị bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung theo hướng cắt giảm, đơn giản hóa TTHC: **0**

+ Cơ quan chủ trì soạn thảo đã tiếp thu đề bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung theo hướng cắt giảm, đơn giản hóa TTHC: **0**.

1.2. Kết quả cắt giảm, đơn giản hóa quy định thủ tục hành chính

- Đã thiết lập biểu mẫu điện tử tương tác cho 26 TTHC tự động điền thông tin khai thác từ CSDL quốc gia về dân cư vào biểu mẫu điện tử.

- Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định đã phê duyệt Quyết định số 4147/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2023 ban hành Quy chế phối hợp giải quyết các thủ tục hành chính về đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường và phòng cháy chữa cháy trên địa bàn tỉnh Bình Định (gọi tắt là: Quy chế thực hiện dự án đầu tư).

Một trong những điểm nổi bật của “Quy chế thực hiện dự án đầu tư” là tổng thời gian giải quyết tất cả các thủ tục để triển khai các dự án ngoài Khu kinh tế, Khu công nghiệp, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định rút ngắn xuống chỉ còn 118 ngày (quy định hiện nay là 242 ngày) được thực hiện qua 06 bước nộp hồ sơ nhờ thực hiện song song, đồng thời các thủ tục hành chính có liên quan đến nhau; trong đó, thủ tục chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc giải phóng mặt bằng” được thực hiện đồng thời với thủ tục “Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng” ngay sau khi dự án được chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư; nhờ đó, không kéo dài, làm ảnh hưởng đến quỹ thời gian 118 ngày.

Ngoài ra, quy trình giải phóng mặt bằng được Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể các bước thực hiện, giúp nhà đầu tư và các cơ quan có thẩm quyền giám sát tình hình triển khai thực hiện. Các dự án trong Khu kinh tế, Khu công nghiệp do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh thực hiện cũng được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định rút ngắn thời gian giải quyết còn tổng cộng 60 ngày.

Đáng chú ý, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định yêu cầu cơ quan chủ trì giải quyết thủ tục hành chính phải chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan khác để giải quyết trong thời hạn quy định theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và phạm vi quản lý; không được đùn đẩy, né tránh trách nhiệm; tuyệt đối tránh tình trạng chờ nhà đầu tư liên hệ rồi mới xem xét, giải quyết.

1.3. Tổng số thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ: không

2. Về cải cách việc thực hiện thủ tục hành chính

2.1. Kết quả công khai, minh bạch trong thực hiện thủ tục hành chính

Theo kết quả đánh giá Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trong tháng 11 năm 2023, điểm trung bình nhóm chỉ số công bố, công khai đạt 12,4/18 điểm, cụ thể:

- Tỷ lệ TTHC công bố đúng hạn đạt 47,22%, tỷ lệ TTHC công khai, cập nhật đúng hạn đạt 47,22%.

- Số TTHC được công khai đầy đủ các nội dung quy định về các bộ phận cấu thành đạt 100%.

- Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Công Dịch vụ công quốc gia là 31.903 hồ sơ (đạt 72,6%), hồ sơ chưa đồng bộ 12.038 (chiếm 27,4%).

- Thực hiện thường xuyên việc rà soát, làm sạch TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh Bình Định đã được công bố, công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, bảo đảm chính xác, đầy đủ, kịp thời, đúng quy định.

2.2. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính

- Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo là: 62.487 hồ sơ, trong đó bao gồm: 51.540 hồ sơ tiếp nhận mới (trực tuyến: 43.949 hồ sơ; trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính công ích: 7.591 hồ sơ), 10.947 hồ sơ từ kỳ trước chuyển qua.

- Số lượng hồ sơ đã giải quyết: 37.185 hồ sơ, trong đó bao gồm: 47.620 hồ sơ giải quyết trước hạn, 3.210 hồ sơ giải quyết đúng hạn và 50 hồ sơ giải quyết trễ hạn.

- Số lượng hồ sơ đang giải quyết và còn trong hạn: 11.607 hồ sơ.

2.3. Kết quả thực hiện dịch vụ công trực tuyến

- Hoàn thành việc bổ sung chức năng của “Hệ thống VNPT iGate” và kết nối, tích hợp với “Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Bình Định” để quản lý tình hình thực hiện dịch vụ công trực tuyến của cán bộ, công chức, viên chức, người hợp đồng của các cơ quan hành chính nhà nước (cho đến cấp xã) và các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh; đồng thời, triển khai đến toàn thể cơ quan, đơn vị, địa phương chỉ đạo, quán triệt 100% cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh gương mẫu thực hiện.

- Trong tháng 11 năm 2023, số lượng hồ sơ TTHC tiếp nhận trực tuyến là 43.949/62.487 đạt tỷ lệ 70,33% (tăng 4,13%). Các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện hiệu quả, bao gồm: Sở Công Thương (3.208/3.208 hồ sơ), Sở Giao thông vận tải (1.579/1.605 hồ sơ), Sở Tư pháp (802/809 hồ sơ) có số lượng hồ sơ phát sinh trực tuyến chiếm tỷ trọng lớn; các Sở: Du lịch, Giáo dục và Đào tạo, Khoa học và Công nghệ, Kế hoạch và Đầu tư, Ngoại vụ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Nội vụ, Thông tin và Truyền thông, Tài chính, Văn hóa và Thể thao, Xây dựng, Y tế có số lượng hồ sơ trực tuyến phát sinh đạt tỷ lệ 100%. Ngoài ra, Ủy ban nhân dân huyện Tây Sơn, thị xã Hoài Nhơn, huyện Vĩnh Thạnh, huyện Phù Mỹ, huyện Vân Canh, huyện An Lão, huyện Hoài Ân, thành phố Quy Nhơn, thị xã An Nhơn có số lượng hồ sơ trực tuyến phát sinh đạt tỷ lệ trên 80% (Phụ lục 1 kèm theo).

- Giao dịch thanh toán trực tuyến phí, lệ phí giải quyết TTHC trong tháng 11 năm 2023 là 35.577 giao dịch (tăng 31% giao dịch so với cùng kỳ tháng trước). Các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện hiệu quả bao gồm các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp, Nông nghiệp và Phát triển nông

thôn, Y tế, Giao thông vận tải; Ủy ban nhân dân các huyện: Hoài Nhơn, Tây Sơn, An Nhơn, An Lão và thành phố Quy Nhơn; các xã, phường, thị trấn của thị xã Hoài Nhơn, thị xã An Nhơn, huyện Tây Sơn, huyện Phù Mỹ (*Phụ lục 2 kèm theo*).

- Về việc triển khai 02 nhóm TTHC liên thông “Khai sinh, khai tử”: (i) Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi phát sinh: 8.283 hồ sơ trực tuyến; (ii) Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú phát sinh: 584 hồ sơ trực tuyến; (iii) Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất (trợ cấp tuất và trợ cấp mai táng)/hỗ trợ chi phí mai táng/hưởng mai táng phí phát sinh: 1.645 hồ sơ trực tuyến.

2.4. Số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản¹ chỉ đạo giao các cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương có liên quan thực hiện rà soát, phê duyệt danh mục thành phần hồ sơ bắt buộc số hóa để tái sử dụng đối với danh mục thủ tục hành chính (bao gồm cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã) thuộc phạm vi chức năng quản lý.

- Tỷ lệ số hóa thành phần hồ sơ bình quân của cả tỉnh đạt 88,1%, trong đó cấp tỉnh đạt 97,5% (tăng 14% so với cùng kỳ tháng trước), cấp huyện đạt 87,4% (tăng 39,5% so với cùng kỳ tháng trước), cấp xã đạt 84,1% (tăng 7,7% so với cùng kỳ tháng trước).

- Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử bình quân của cả tỉnh đạt 76,8%, trong đó cấp tỉnh đạt 84,9% (tăng 1,4% so với cùng kỳ tháng trước), cấp huyện đạt 60,2% (tăng 12,3% so với cùng kỳ tháng trước), cấp xã đạt 86,9% (tăng 10,5% so với cùng kỳ tháng trước).

- Tỷ lệ khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bình quân của cả tỉnh đạt 93,9% (giảm 0,2% so với cùng kỳ tháng trước), trong đó cấp tỉnh đạt 96,4% (tăng 4,4% so với cùng kỳ tháng trước), cấp huyện đạt 92,4% (giảm 4,6% so với cùng kỳ tháng trước), cấp xã đạt 94,4% (tăng 1,2% so với cùng kỳ tháng trước).

2.5. Kết quả hợp nhất, kết nối các hệ thống thông tin phục vụ giải quyết thủ tục hành chính

Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đã kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và 22 hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu khác. Tiếp tục phối hợp với Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội cung cấp các API để kết nối Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh với Cơ sở dữ liệu người có công theo đề nghị của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội tại Công văn số 4979/LĐTBXH-NCC ngày 20 tháng 11 năm 2023.

3. Kết quả tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị

¹ Công văn số 7692/UBND-KSTT ngày 18 tháng 10 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Tình hình tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định và hành vi hành chính: tổng số phản ánh, kiến nghị đã tiếp nhận: 33 phản ánh; số phản ánh, kiến nghị đã xử lý đúng hạn: 25 phản ánh; số phản ánh, kiến nghị đã xử lý quá hạn: 0; số phản ánh, kiến nghị đang xử lý: 08 phản ánh.

- Tình hình tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định kinh doanh theo mục IX Nghị quyết số 97/NQ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ: tổng số phản ánh, kiến nghị đã tiếp nhận: 0; số phản ánh, kiến nghị đã xử lý đúng hạn: 0; số phản ánh, kiến nghị đã xử lý quá hạn: 0; số phản ánh, kiến nghị đang xử lý: 0.

4. Một số nhiệm vụ khác

- Triển khai thực hiện Công văn số 81/TCTCCTTHC ngày 08 tháng 10 năm 2023 của Tổ công tác cải cách TTHC của Thủ tướng Chính phủ về việc kiểm tra, xử lý phản ánh kiến nghị và thông tin báo chí về quy định, thủ tục hành chính có liên quan đến Phiếu lý lịch tư pháp; qua kiểm tra, rà soát trên địa bàn tỉnh Bình Định không có phản ánh kiến nghị và thông tin báo chí liên quan đến quy định, thủ tục hành chính cấp Phiếu lý lịch tư pháp; đồng thời, qua kiểm tra các doanh nghiệp lĩnh vực Công chứng, Đấu giá, Luật sư... không lạm dụng yêu cầu cung cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

- Triển khai thực hiện Thông báo ý kiến kết luận² của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Tổng công ty Bưu điện Việt Nam về việc triển khai một số nhiệm vụ theo Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đã dự thảo và gửi lấy ý kiến các cơ quan liên quan về Kế hoạch triển khai thực hiện mô hình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính phi địa giới hành chính³.

- Triển khai Công văn số 100/TCTCCTTHC ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Tổ công tác cải cách TTHC của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Công văn số 8931/UBND-KSTT ngày 24 tháng 11 năm 2023 nâng cao chất lượng công tác rà soát, công bố và đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ; ngoài ra, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Công văn số 766/VPUBND-KSTT ngày 10 tháng 11 năm 2023 đôn đốc các cơ quan liên quan sớm xây dựng hoàn thiện Phương án đơn giản hoá TTHC nội bộ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đảm bảo theo đúng thời gian kế hoạch đề ra.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

- Công tác cải cách TTHC của tỉnh hoàn thành các nhiệm vụ đề ra trong tháng 11 năm 2023; kết quả thực hiện Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công tính đến ngày 24/11/2023,

² Thông báo số 457/TB-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

³ Công văn số 796/VPUBND-KSTT ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

Bình Định đạt 83,51 điểm (đạt loại Tốt), xếp thứ 02/63 tỉnh thành trong cả nước (sau tỉnh Cà Mau), riêng trong tháng 11/2023, Bình Định đạt 78,03 điểm (đạt loại Khá), xếp thứ 06/63 tỉnh thành trong cả nước.

- Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định đã tạo sự đột phá, cắt giảm mạnh thời gian giải quyết các TTHC về đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường và phòng cháy chữa cháy trên địa bàn tỉnh (áp dụng cho các dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh).

- Kết quả thực hiện dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến, số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính tiếp tục có sự chuyển biến và tăng về số lượng giao dịch so với cùng kỳ tháng 10 năm 2023.

2. Tồn tại, hạn chế

- Một số cơ quan, đơn vị, địa phương⁴ chưa quan tâm thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ về công tác cải cách TTHC trong tháng 11 năm 2023.

- Tỷ lệ hồ sơ TTHC giải quyết trễ hạn tuy có giảm (giảm 9 hồ sơ so với tháng 10) nhưng vẫn còn tại một số địa phương, đơn vị (tổng số hồ sơ trễ hạn của cả tỉnh trong tháng 11 năm 2023 là 50 hồ sơ).

III. NHIỆM VỤ TRONG THÁNG 12 NĂM 2023

1. Tiếp tục chỉ đạo rà soát, làm sạch TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh đã được công bố, công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, đảm bảo chính xác, đầy đủ, kịp thời và đúng quy định theo Công văn số 70/TCTCCTTHC ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tổ công tác cải cách TTHC của Thủ tướng Chính phủ.

2. Tiếp tục chỉ đạo việc rà soát, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo hướng cắt giảm các thông tin không phải khai báo, cung cấp khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến (các trường thông tin đã khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư), tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, đảm bảo mục tiêu cắt giảm ít nhất 20% thông tin phải khai báo.

3. Phê duyệt phương án đơn giản hoá thủ tục hành chính nội bộ, đảm bảo cắt giảm ít nhất 20% thủ tục hành chính và 20% chi phí tuân thủ theo Danh mục 37 TTHC nội bộ đã được phê duyệt.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đề nghị Văn phòng Chính phủ xem xét bổ sung trên Cổng Dịch vụ công quốc gia cho phép tạo tài khoản cơ quan nhà nước (gọi tắt là: “Tổ chức”) để tạo điều kiện thuận lợi cho các “Tổ chức” trong các giao dịch thủ tục hành chính dùng để nộp, quản lý hồ sơ, nhận kết quả giải quyết.

⁴ Một số cơ quan, đơn vị chưa thực hiện nghiêm chế độ báo cáo, bao gồm: 03/07 cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh: Công an tỉnh, Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tỉnh, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh; 05/20 Sở, ban: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động – Thương binh và Xã hội, Giáo dục và Đào tạo, Ban Dân tộc; 10/11 UBND các huyện, thị xã, thành phố: Hoài Nhơn, Phù Mỹ, An Nhơn, Tây Sơn, Quy Nhơn, Tuy Phước, Hoài Ân, Vân Canh, Phù Cát, An Lão.

2. Đề nghị Văn phòng Chính phủ kiến nghị Bộ, ngành liên quan một số nội dung như sau:

- Kiến nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định cụ thể về thời gian “Tổ chức cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản” trong quyết định công bố thủ tục hành chính theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 19 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ. Vì theo Quyết định số 2901/QĐ-BTNMT ngày 06 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì TTHC “Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản (mã thủ tục: 1.004434)” và “Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt (mã thủ tục: 1.004433)” không quy định về thời gian tổ chức cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản, địa phương gặp khó khăn trong quá trình thực hiện xây dựng quy trình nội bộ giải quyết 02 TTHC nêu trên.

- Kiến nghị Bộ Nội vụ công khai các thủ tục hành chính lĩnh vực Công chức, viên chức trên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo đúng quy định về địa phương đồng bộ thời gian giải quyết TTHC đảm bảo đúng, kịp thời (*có Phụ lục 3 kèm theo*).

- Kiến nghị Bộ Y tế xem xét, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định cung cấp API đồng bộ dữ liệu về tình trạng xử lý hồ sơ, thanh toán trực tuyến trên Hệ thống dịch vụ công trực tuyến quản lý trang thiết bị y tế đối với 03 TTHC: (i) Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế thuộc loại A, B (mã thủ tục: 1.003029), (ii) Công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B, C, D (Mã thủ tục: 1.003039) và (iii) Công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế (Mã thủ tục: 1.003006) với Hệ thống thông tin giải quyết của tỉnh Bình Định để phục vụ công tác quản lý tiếp nhận, xử lý thủ tục hành chính và thuận lợi trong việc thanh toán phí, lệ phí trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh Bình Định.

- Kiến nghị các Bộ Giao thông vận tải, Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng kịp thời cập nhật các trường hợp miễn, giảm phí, lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính⁵ để công bố các thủ tục hành chính liên quan thuộc phạm vi chức năng quản lý, góp phần tạo điều kiện thuận lợi để địa phương công bố Danh mục thủ tục hành chính đảm bảo tính thống nhất, đúng quy định.

⁵ Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư quy định về phí, lệ phí của Bộ trưởng Bộ Tài chính nhằm khuyến khích sử dụng dịch vụ công trực tuyến (có hiệu lực kể từ ngày 01/12/2023).

Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định trân trọng báo cáo Văn phòng Chính phủ xem xét, tổng hợp theo quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thứ trưởng BTC Nguyễn Đức Chi (b/c);
- Cục Kiểm soát TTHC (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Các cơ quan TW đóng trên địa bàn tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VNPT Bình Định, Bưu điện tỉnh;
- LĐ, CV VP UBND tỉnh;
- THCB, PVHCC, HCTC;
- Tổ CCHC của VP UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Lưu: VT, KSTT^(C).

Thao

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục 1
THỐNG KÊ HỒ SƠ TRỰC TUYẾN TRÊN CÔNG DỊCH VỤ CÔNG TỈNH
(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-UBND
ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định)

STT	Đơn vị cấp tỉnh	Số hồ sơ trực tuyến	Tổng số hồ sơ tiếp nhận trong kỳ (trực tuyến, trực tiếp và thông qua dịch vụ BCCI)	Tỷ lệ (%)
I	Cấp tỉnh	7244	8253	87.77
1	Sở Công Thương	3208	3208	100
2	Sở Du lịch	10	10	100
3	Sở Giáo dục và Đào tạo	90	90	100
4	Sở Khoa học và Công nghệ	7	7	100
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư (*)	24	24	100
6	Sở Ngoại vụ	8	8	100
7	Sở NN và PTNT	568	568	100
8	Sở Nội vụ	32	32	100
9	Sở TT và TT	14	14	100
10	Sở Tài chính	11	11	100
11	Sở Văn hóa và Thể thao	40	40	100
12	Sở Xây dựng	242	242	100
13	Sở Y tế	206	206	100
14	Sở Tư pháp	802	809	99.13
15	Sở Giao thông vận tải	1579	1605	98.38
16	Ban Quản lý khu kinh tế	20	24	83.33
17	Sở LĐ-TB&XH	68	99	68.69
18	Sở TN và MT	315	1256	25.08
II	Cấp huyện	12009	15349	78.24
1	UBND huyện Tây Sơn	1631	1637	99.63
2	UBND thị xã Hoài Nhơn	2916	3066	95.11
3	UBND huyện Vĩnh Thạnh	356	388	91.75
4	UBND huyện Phù Mỹ	969	1108	87.45
5	UBND huyện Vân Canh	374	429	87.18
6	UBND huyện An Lão	500	584	85.62
7	UBND huyện Hoài Ân	550	655	83.97
8	UBND TP. Quy Nhơn	1996	2385	83.69
9	UBND thị xã An Nhơn	1536	1840	83.48
10	UBND huyện Tuy Phước	574	1548	37.08
11	UBND huyện Phù Cát	607	1709	35.52
II	Cấp xã	24696	27938	88.4
1	UBND huyện Phù Cát	1131	2294	49.3
2	UBND huyện An Lão	244	441	55.33

STT	Đơn vị cấp tỉnh	Số hồ sơ trực tuyển	Tổng số hồ sơ tiếp nhận trong kỳ (trực tuyển, trực tiếp và thông qua dịch vụ BCCI)	Tỷ lệ (%)
3	UBND huyện Vân Canh	354	555	63.78
4	UBND huyện Hoài Ân	1411	1679	84.04
5	UBND huyện Tây Sơn	3141	3616	86.86
6	UBND huyện Tuy Phước	2229	2541	87.72
7	UBND huyện Vĩnh Thạnh	1682	1878	89.56
8	UBND thị xã An Nhơn	1786	1877	95.15
9	UBND TP. Quy Nhơn	2650	2752	96.29
10	UBND huyện Phù Mỹ	6019	6211	96.91
11	UBND thị xã Hoài Nhơn	4049	4094	98.9
	Tổng cộng I+II+III	43949	51540	85.27

Ghi chú:

Số liệu tính từ ngày 23/10/2023 đến ngày 22/11/2023.

(*) Chưa tính dữ liệu trên phần mềm chuyên ngành.

Phụ lục 2
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIAO DỊCH THANH TOÁN
TRỰC TUYẾN PHÍ, LỆ PHÍ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-UBND
ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định)

STT	Đơn vị cấp tỉnh	Số giao dịch	Số lượng giao dịch phát sinh	Kết quả tỷ lệ thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)/(4)
I	Cấp tỉnh	3279	3304	99.24
1	Sở Du lịch	8	8	100
2	Sở Khoa học và Công nghệ	5	5	100
3	Sở Y tế	234	234	100
4	Sở Công Thương	18	18	100
5	Sở LĐ-TB&XH	15	15	100
6	Sở Tài nguyên và Môi trường	974	977	99.69
7	Sở Tư pháp	702	706	99.43
8	Sở Xây dựng	156	157	99.36
9	Sở Giao thông vận tải	646	653	98.93
10	Sở NN và PTNT	506	513	98.64
11	Sở Thông tin và Truyền thông	10	11	90.91
12	Ban Quản lý khu kinh tế	5	7	71.43
13	Sở Giáo dục và Đào tạo	-	-	-
14	Ban Dân tộc	-	-	-
15	Sở Kế hoạch và Đầu tư	-	-	-
16	Sở Nội vụ	-	-	-
17	Sở Ngoại vụ	-	-	-
18	Thanh Tra	-	-	-
19	Sở Văn hóa và Thể thao	-	-	-
20	Sở Tài chính	-	-	-
II	Cấp huyện	9485	10727	88.42
1	UBND thị xã Hoài Nhơn	1871	1871	100
2	UBND huyện An Lão	245	245	100
3	UBND huyện Tây Sơn	1230	1232	99.84
4	UBND thị xã An Nhơn	1422	1430	99.44
5	UBND huyện Hoài Ân	412	420	98.1
6	UBND huyện Vân Canh	167	175	95.43
7	UBND TP. Quy Nhơn	1852	1989	93.11
8	UBND huyện Phù Mỹ	841	906	92.83
9	UBND huyện Phù Cát	883	1122	78.7
10	UBND huyện Vĩnh Thạnh	132	201	65.67
11	UBND huyện Tuy Phước	430	1136	37.85

STT	Đơn vị cấp tỉnh	Số giao dịch	Số lượng giao dịch phát sinh	Kết quả tỷ lệ thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)/(4)
III	Các xã	22813	23357	97,67
1	UBND thị xã An Nhơn	1142	1142	100
2	UBND thị xã Hoài Nhơn	3501	3501	100
3	UBND huyện Tây Sơn	3261	3264	99,91
4	UBND huyện Tuy Phước	2204	2206	99,91
5	UBND TP. Quy Nhơn	2135	2140	99,77
6	UBND huyện Vân Canh	513	516	99,42
7	UBND huyện Phù Mỹ	4803	4966	96,72
8	UBND huyện Hoài Ân	1537	1602	95,94
9	UBND huyện Vĩnh Thạnh	1841	1929	95,44
10	UBND huyện Phù Cát	1634	1811	90,23
11	UBND huyện An Lão	242	280	86,43
	Tổng số I+II+III	35577	37388	95,16

Ghi chú:

Số liệu tính từ ngày 23/10/2023 đến ngày 22/11/2023 (thống kê theo ngày thanh toán).

(-) Các cơ quan không có TTHC thu phí, lệ phí.

Phụ lục 3
MỘT SỐ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ BỘ, NGÀNH TRUNG ƯƠNG
(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-UBND
ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định)

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tại cột Thời hạn giải quyết TTHC đang công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	Đề xuất, kiến nghị Bộ Nội vụ
1	1.005394	Thủ tục thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức	15 ngày	Công khai đảm bảo thời hạn giải quyết TTHC đã được công bố tại Quyết định số 1066/QĐ-BNV 10/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ
2	1.005393	Thủ tục tiếp nhận vào làm viên chức	30 ngày	Công khai đảm bảo thời hạn giải quyết TTHC đã được công bố tại Quyết định số 1066/QĐ-BNV 10/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ
3	1.005392	Thủ tục xét tuyển viên chức	30 ngày	Công khai đảm bảo thời hạn giải quyết TTHC đã được công bố tại Quyết định số 1066/QĐ-BNV 10/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ
4	1.005388	Thủ tục thi tuyển Viên chức	30 ngày	Công khai đảm bảo thời hạn giải quyết TTHC đã được công bố tại Quyết định số 1066/QĐ-BNV 10/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ
5	2.002157	Thủ tục thi nâng ngạch công chức	10 Ngày làm việc	Công khai đảm bảo thời hạn giải quyết TTHC đã được công bố tại Quyết định số 1066/QĐ-BNV 10/12/2020 của Bộ

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tại cột Thời hạn giải quyết TTHC đang công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	Đề xuất, kiến nghị Bộ Nội vụ
				trưởng Bộ Nội vụ
6	2.002156	Thủ tục xét tuyển công chức	30 ngày	Công khai đảm bảo thời hạn giải quyết TTHC đã được công bố tại Quyết định số 1066/QĐ-BNV 10/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ
7	1.005384	Thủ tục thi tuyển công chức	30 ngày	Công khai đảm bảo thời hạn giải quyết TTHC đã được công bố tại Quyết định số 1066/QĐ-BNV 10/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ
Tổng cộng: 07 TTHC				